

KẾ HOẠCH

**Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027;

Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) 5 năm giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Công văn số 4194/BKHCN-KHTC ngày 16/6/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 2704/SKHCN-VP ngày 15/7/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xây dựng Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027, như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026**

Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở tình hình triển khai 6 tháng đầu năm 2026 và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2026, kết quả cụ thể như sau:

1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách quản lý khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Năm 2026 là năm đầu tiên triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã

ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch quan trọng nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Ban hành Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/2/2026 của Tỉnh ủy và các kế hoạch, đề án trọng điểm về chuyển đổi số, phát triển công nghiệp công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn, dữ liệu số, đô thị thông minh và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, các nhiệm vụ được giao cơ bản được triển khai đúng tiến độ; ước cả năm 2026 hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Bám sát nội dung chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2026, cũng như các định hướng phát triển lĩnh vực chuyển đổi số của Bộ Khoa học và Công nghệ, các cấp, các ngành đã tập trung, nghiêm túc triển khai các nhiệm vụ, kế hoạch ngay từ những tháng đầu năm. Hoạt động Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tại cơ sở được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả; công tác hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân được tăng cường.

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Hoạt động khoa học, công nghệ

Quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia: Phối hợp theo dõi, thực hiện quản lý nhà nước đối với 01 nhiệm vụ cấp thiết địa phương cấp quốc gia và 01 nhiệm vụ cấp quốc gia triển khai trên địa bàn tỉnh. Phối hợp các đơn vị tiếp tục triển khai Chương trình nghiên cứu tổng thể, toàn diện di tích khảo cổ Rộc Tung - Gò Đá, Sơ kỳ đá cũ An Khê, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030.

Quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: Quản lý 41 nhiệm vụ cấp tỉnh. Tổ chức họp 05 Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; tổ chức họp 04 Tổ chuyên gia tư vấn. Kết quả, Hội đồng tư vấn đã lựa chọn 14/139 nhiệm vụ, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2675/QĐ-UBND ngày 22/6/2026 và tiến hành thông báo tuyển chọn đơn vị thực hiện.

Các kết quả nghiên cứu khoa học đã giúp cho việc hoạch định chính sách sát với thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, như: hệ thống dự báo trượt lở đất đá (tích hợp GIS, viễn thám và học máy để cảnh báo sớm theo thời gian thực); mô hình nhận diện, cảnh báo sâu bệnh hại lúa qua thị giác máy tính; hệ thống chuyển đổi văn bản tiếng Việt sang âm thanh tiếng Bana Kriem phục vụ truyền thanh; ứng dụng công nghệ xử lý, phân loại và nghiên cứu phế thải xây dựng, rác thải công nghiệp để tái chế thành vật liệu san lấp, cốt liệu bê tông; đánh

giá chất lượng và khả năng khai thác cát nhiễm mặn để phục vụ san nền các công trình trên địa bàn tỉnh; triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu các đối tượng có nguồn gen bản địa (ong dú, lợn đen, cá đá, cá chột, nấm) phục vụ công tác bảo tồn, phát triển sản phẩm đặc trưng của địa phương; ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên số 3D một số điểm du lịch nổi tiếng của Gia Lai và sử dụng công cụ trên nền web, bản đồ số hướng tới phát triển du lịch thông minh, phục vụ chuyển đổi số du lịch tỉnh Gia Lai; ứng dụng công nghệ huỳnh quang để kiểm định nhanh hàm lượng vitamin B2 và một số chất chỉ định khác trong sữa dạng lỏng hoặc phát hiện nhanh vi nhựa trong môi trường nước.

Trong năm 2025, các cá nhân, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã có 56 bài báo khoa học, công nghệ công bố trên các tạp chí khoa học và công nghệ uy tín quốc tế đóng góp vào chỉ tiêu tăng trung bình 10%/năm số công bố quốc tế theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

a) Kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu xã hội, nhân văn và tự nhiên

- Kết quả nghiên cứu khoa học tự nhiên: Lĩnh vực khoa học tự nhiên tập trung điều tra, đánh giá, bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên sinh học của địa phương, tạo cơ sở khoa học cho phát triển nông nghiệp bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học. Một số nhiệm vụ tiêu biểu: (1) Điều tra, thống kê và bảo tồn nguồn gen cây dược liệu tại Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh. (2) Bảo tồn nguồn gen dừa nước phục vụ phục hồi rừng ngập mặn, phát triển du lịch sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu. (3) Bảo tồn và phát triển nguồn gen Thiên môn chùm...

Các kết quả nghiên cứu đã xây dựng được cơ sở dữ liệu về nguồn gen, đánh giá hiện trạng phân bố, đề xuất giải pháp bảo tồn, phục hồi và khai thác bền vững các nguồn tài nguyên sinh học đặc hữu của địa phương; đồng thời cung cấp luận cứ khoa học phục vụ quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, bảo tồn đa dạng sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kết quả nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: Các nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn được triển khai theo hướng phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, phát triển du lịch và xây dựng chính sách phát triển địa phương. Một số nhiệm vụ tiêu biểu: (1) Bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hán - Nôm trên địa bàn tỉnh Gia Lai. (2) Nghiên cứu giá trị và phương án bảo tồn bộ Đại tạng kinh Gia Hưng và mộc bản chùa Thập Tháp. (3) Nghiên cứu các yếu tố tác động của thể thao đối với phát triển kinh tế - xã hội...

Các nhiệm vụ đã góp phần hệ thống hóa nguồn tư liệu lịch sử, văn hóa; bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch, giáo dục cộng đồng và phát triển văn hóa địa phương; đồng thời cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã

hội sau khi hợp nhất tỉnh Gia Lai.

- Kết quả nghiên cứu cơ bản: Các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản được triển khai chủ yếu thông qua hoạt động điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, di sản văn hóa và các điều kiện tự nhiên đặc thù của địa phương. Các nhiệm vụ đã bổ sung cơ sở dữ liệu khoa học về tài nguyên sinh học; đánh giá nguồn gen quý hiếm và nguồn tài nguyên bản địa; phục vụ nghiên cứu liên ngành giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

b) Kết quả nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ:

- Kết quả đầu ra trực tiếp: quản lý 32 nhiệm vụ, nghiệm thu 02 nhiệm vụ¹ và được công nhận kết quả để đưa vào ứng dụng.

- Kết quả ứng dụng và khai thác: Các nhiệm vụ KH&CN sau khi được nghiệm thu đều thực hiện đăng ký, lưu giữ kết quả và bàn giao cho các đơn vị ứng dụng theo đúng quy định. Định kỳ hằng năm các đơn vị tiếp nhận đều có báo cáo về kết quả ứng dụng.

- Kết quả về hiệu quả thực tế:

+ Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp chủ lực: Hỗ trợ các hợp tác xã áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, Organic giúp nâng tỷ lệ sản phẩm có giá trị cao, phục vụ xuất khẩu chính ngạch sang các thị trường (EU, Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc...).

+ Hiệu quả quản lý và tối ưu hóa tài nguyên: Việc ứng dụng các công nghệ số, giúp các cơ quan quản lý đưa ra các dự báo chính xác, giảm thiểu thiệt hại thiên tai và tối ưu hóa quy hoạch sử dụng đất.

+ Tăng doanh thu và giá trị thương mại: Việc hỗ trợ xây dựng và bảo hộ Nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý (như *Sầu riêng Gia Lai*, *Cà phê Gia Lai*, *Chanh dây Gia Lai*...) giúp giá trị thương mại của sản phẩm tăng. Giúp các doanh nghiệp, HTX xây dựng liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ, tối ưu hóa đầu ra và tăng doanh thu.

+ Nâng cao năng lực tổ chức của đơn vị chủ trì và đối tượng thụ hưởng: Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ, nhân lực của các đơn vị chủ trì được đào tạo và bước đầu làm chủ các công nghệ hiện đại (công nghệ sinh học, công nghệ IoT...).

2.2. Đổi mới sáng tạo

UBND tỉnh đã cho chủ trương, bố trí kinh phí thuê tư vấn xây dựng Đề án

¹ Bảo tồn nguồn gen dừa nước (*Nypa fruticans*) nhằm phục hồi rừng ngập mặn, phục vụ du lịch sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Định; (3) Nghiên cứu bảo tồn và phát triển bền vững nguồn gen loài Thiên môn chùm (*Asparagus racemosus* Willd.) làm dược liệu tại tỉnh Gia Lai

và Điều lệ Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh; ban hành, triển khai Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tỉnh năm 2026; xây dựng, lấy ý kiến các đơn vị về dự thảo Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Gia Lai triển khai các chương trình hỗ trợ, kết nối nguồn lực cho doanh nghiệp, hợp tác xã và dự án khởi nghiệp.

Tình hình thẩm định công nghệ dự án đầu tư thuộc thẩm quyền: Đã tiếp nhận 267 lượt hồ sơ dự án đề nghị thẩm định/có ý kiến về công nghệ trong giai đoạn xin chủ trương đầu tư và đã có 267 hồ sơ được thẩm định công nghệ/ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ. Trong đó, các dự án đầu tư chủ yếu tập trung vào lĩnh vực chăn nuôi, năng lượng tái tạo (Năng lượng mặt trời, điện gió, thủy điện), lĩnh vực trồng trọt, chế biến nông lâm sản,... Ngoài ra, hướng dẫn doanh nghiệp nhỏ và vừa hoàn thiện hồ sơ triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ trong năm 2026; thông báo cho các đơn vị về việc nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ phát triển KH&CN trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026 nếu đủ điều kiện.

Về công tác tổ chức Năm Lượng tử Gia Lai 2026: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2512/QĐ-UBND ngày 10/6/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức Năm Lượng tử Gia Lai 2026; Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 12/6/2026 tổ chức Năm Lượng tử Gia Lai 2026 với chủ đề “Kết nối khoa học lượng tử - công nghệ chiến lược - đổi mới sáng tạo - giáo dục tương lai”. Kế hoạch tập trung tổ chức chuỗi hội nghị, hội thảo; tập trung xây dựng Nhóm Vật lý lượng tử tại Viện IFIRSE trở thành trung tâm nghiên cứu uy tín, vững mạnh cấp quốc gia; tạo điều kiện kết nối, giao lưu hiệu quả giữa các nhà khoa học trẻ Việt Nam với mạng lưới chuyên gia quốc tế. Hiện tại, Sở Khoa học và Công nghệ đang chủ trì, phối hợp triển khai Hợp phần Công nghệ (trọng tâm là Chuỗi Hội nghị quốc tế và Cuộc thi Hackathon Quốc tế về Tính toán Lượng tử vì Mục tiêu Phát triển Xã hội). Đây là sự kiện khoa học công nghệ quy mô quốc tế nổi bật của Việt Nam năm 2026, kết hợp hưởng ứng Năm Du lịch quốc gia, nhằm thu hút chuyên gia, doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ chiến lược (điện toán lượng tử, AI, bán dẫn...). Sự kiện sẽ diễn ra từ ngày 24/7/2026 đến ngày 28/7/2026 tại tỉnh Gia Lai.

- Hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ: Các hợp đồng chuyển giao công nghệ được cấp đăng ký, cấp phép, giá trị Hợp đồng chuyển giao công nghệ: Về hợp đồng chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh có 01 hợp đồng chuyển giao công nghệ được đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, với tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ được ghi nhận giao dịch là 9.736.800 USD.

- Về thị trường khoa học và công nghệ:

Chính sách về phát triển thị trường khoa học và công nghệ đã được kịp thời ban hành và làm cơ sở cho việc hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai có điều kiện tiếp cận và giới thiệu các sản phẩm công nghệ với khách hàng, tỉnh Gia Lai đã có chính sách về hỗ trợ hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ², trong đó hỗ trợ Tổ chức, cá nhân có sản phẩm được tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo đã được đánh giá, nghiệm thu xếp loại mức đạt trở lên hoặc sản phẩm mới được tạo ra trên cơ sở kết quả của hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ để tham gia các hoạt động xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ ở trong nước (thông qua các sự kiện như: Chợ công nghệ và thiết bị (Techmart); diễn đàn cung-cầu công nghệ (TechDemo); sự kiện về công nghệ, thiết bị do Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức hoặc ở nước ngoài (trình diễn, giới thiệu, tham gia chợ, hội chợ công nghệ...) theo văn bản giới thiệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Sàn giao dịch công nghệ tỉnh Gia Lai tiếp tục được duy trì hoạt động tại địa chỉ <https://sancongnghegiatlai.vn/>. Trong đó, sàn giao dịch chủ yếu tập trung vào hoạt động kết nối với các sàn giao dịch lớn như Sàn giao dịch thành phố Hồ Chí Minh để phối hợp giới thiệu các công nghệ, thiết bị mới; tổ chức tư vấn, tìm kiếm đối tác trong giao dịch, chuyển giao công nghệ.

- Doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Gia Lai có 31 doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trong 6 tháng đầu năm 2026 đã có 02 doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Việc cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã góp phần hình thành lực lượng doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh; tạo cơ sở pháp lý để doanh nghiệp tiếp cận các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định về thuế, tín dụng,... Một số doanh nghiệp đã có sản phẩm khoa học và công nghệ được thương mại hóa, từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; qua đó góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Công tác tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận cơ bản được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; hồ sơ của doanh nghiệp được rà soát, hướng dẫn để đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp chứng nhận. Hiện nay, tỉnh Gia Lai đã ban hành chính sách phát triển khoa học và công nghệ, trong đó có chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp được công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ với mức hỗ trợ 100 triệu đồng/giấy chứng nhận lần đầu³. Trong đó, 6 tháng đầu năm 2026, đã có 5 doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thụ

² Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 24/4/2026

³ Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 24/4/2026

hưởng chính sách với mức hỗ trợ 100 triệu đồng/doanh nghiệp.

2.3. Sở hữu trí tuệ

Công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tiếp tục được quan tâm và thúc đẩy phát triển. Trong 6 tháng đầu năm 2026 đã có 312 đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm sáng chế/giải pháp hữu ích và nhãn hiệu) của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai được Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ; có 3 sáng chế/giải pháp hữu ích được cấp bằng bảo hộ; có 328 giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu trí tuệ được cấp cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Công tác quản lý, xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm, dịch vụ mang địa danh của tỉnh đã và đang được duy trì. Trong đó, tỉnh Gia Lai đang quản lý 4 chỉ dẫn địa lý, 51 nhãn hiệu chứng nhận, 26 nhãn hiệu tập thể. Trong năm 2026, UBND tỉnh đã phê duyệt sử dụng địa danh và bản đồ khu vực địa lý để hoàn tất thủ tục bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận cho “Sầu riêng Gia Lai” và “Gạo màu hữu cơ Gia Lai”; tổ chức thẩm định và cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho các tổ chức, cá nhân đối với Nhãn hiệu chứng nhận Chanh dây Gia Lai, Nhãn hiệu chứng nhận Phở khô Gia Lai; đề xuất đặt hàng nhiệm vụ Phát triển chỉ dẫn địa lý Gia Lai cho sản phẩm cà phê của tỉnh Gia Lai, trong đó dự kiến sẽ hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý chỉ dẫn địa lý, hệ thống nhận diện và đặc biệt là hướng đến bảo hộ ra thị trường quốc tế đối với chỉ dẫn địa lý cà phê Gia Lai của tỉnh Gia Lai.

Triển khai công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 13/3/2026 về tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh, đồng thời thực hiện Công điện số 38/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, công tác chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ được siết chặt. Theo đó, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt triển khai Công điện của Thủ tướng Chính phủ, trong đó, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác liên ngành chỉ đạo triển khai các giải pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh⁴; đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền và đồng loạt ra quân nhằm giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Theo đó, trong gần 01 tháng (từ ngày 07/5 đến ngày 30/5/2026), các lực lượng chức năng đã thực hiện 68 lượt kiểm tra, phát hiện 59 vụ vi phạm; xử phạt hành chính 57 vụ với số tiền hơn 655,25 triệu đồng (tịch thu lượng hàng hóa vi phạm trị giá hơn 3.772,59 triệu đồng), đồng thời chuyển 02 vụ việc có dấu hiệu hình sự sang Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh tiếp nhận, điều tra, xử lý theo đúng thẩm quyền. Tiếp tục tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, UBND tỉnh đã tiếp tục ban hành Kế

⁴ Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 14/5/2026

hoạch thực hiện các giải pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026⁵, nhằm kịp thời ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng xâm phạm quyền SHTT, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, đồng thời góp phần xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, lành mạnh.

Để thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ nói chung và hình thành, phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh nói riêng, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai⁶. Trong đó, cụ thể hóa việc hỗ trợ xây dựng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho các tổ chức, các nhân có hoạt động trên địa bàn tỉnh Gia Lai và giao cho Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai thực hiện Nghị quyết, qua đó đã có 10 tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách về phát triển tài sản trí tuệ. Đồng thời, Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ tư vấn cho hơn 200 lượt tổ chức, cá nhân lập hồ sơ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, phối hợp với các đơn vị tổ chức 14 lớp tập huấn kiến thức về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức và cá nhân là các chủ thể của sản phẩm OCOP, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Hỗ trợ Công ty Cổ phần E-Coal Việt Nam phương án khai thác và thương mại hóa đối với sáng chế “Hệ thống và quy trình nhiệt phân” trong sản xuất than sinh học tại tỉnh Gia Lai.

2.4. Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng (TCĐLCL) trên địa bàn tỉnh được triển khai chủ động, hiệu quả. UBND tỉnh đã kịp thời ban hành 05 Kế hoạch triển khai lĩnh vực TCĐLCL và đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chỉ số năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) năm 2026. Phối hợp với Viện Năng suất Việt Nam tổ chức lớp tập huấn Phương pháp tính toán năng suất các nhân tố tổng hợp và giải pháp nâng cao chỉ số TFP cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đã hướng dẫn tổ chức, doanh nghiệp sử dụng mã số mã vạch, mã QR, tem truy xuất nguồn gốc, nhãn hàng hóa, công bố tiêu chuẩn áp dụng, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy theo phân cấp quản lý.

Tổ chức 04 đợt khảo sát về đo lường, chất lượng đối với mặt hàng xăng dầu, dầu nhớt, khí dầu mỏ hóa lỏng và phương tiện đo nhóm 2 trong kinh doanh nông sản; phát hiện 04 trạm cân chưa kiểm định, 03 trạm cân hết hạn kiểm định và 02 cơ sở kinh doanh xăng dầu không đạt chuẩn kỹ thuật quốc gia. Đồng thời, tổ chức 01 đợt kiểm tra chất lượng, nhãn hàng hóa đối với 02 cơ sở kinh doanh xăng dầu (từ kết quả khảo sát); tổ chức 08 đợt kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu (ống thép, tấm thép không gỉ, dây cáp điện). Kết quả, các cơ sở được kiểm tra chấp

⁵ Kế hoạch số 252/KH-UBND ngày 22/6/2026

⁶ Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 24/4/2026

hành đúng quy định về chất lượng và ghi nhãn hàng hóa.

2.5. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 01/4/2026 về việc triển khai Đề án “Thông tin, tuyên truyền về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn đến năm 2035”.

Đã cấp mới 32 giấy phép, gia hạn 16 giấy phép tiến hành công việc bức xạ; cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ cho 12 cá nhân; sửa đổi giấy phép cho 06 cơ sở và tiếp nhận khai báo 03 thiết bị.

2.6. Chuyển đổi số, bưu chính, viễn thông

a) Lĩnh vực bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện

Hạ tầng viễn thông, internet phát triển rộng với hệ thống cáp quang được triển khai rộng khắp hầu hết các xã, phường trên địa bàn tỉnh. Tổng số vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động là 4.747 vị trí với 9.545 trạm. Tỷ lệ phủ sóng di động và băng rộng di động đã đạt 100% tại trung tâm các xã, phường và 99,9% tại các thôn, làng, với 2.692/2.693 thôn, làng đã có sóng. Hạ tầng mạng băng rộng cố định đang duy trì mức độ bao phủ cao, đạt 100% tại trung tâm xã, phường và đạt 99,4% tại các thôn, làng (2.677/2.693 thôn; còn 16 thôn chưa có mạng băng rộng cố định). Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 82% (708.890 thuê bao/864.510 hộ gia đình). Phát triển mạng 5G, ưu tiên phủ sóng tại các khu, cụm công nghiệp, khu vực trung tâm xã, phường, khu du lịch, bệnh viện, trường học; đến nay, các doanh nghiệp viễn thông đã triển khai 837 trạm, tỷ lệ phủ sóng đạt 97% khu vực có dân cư sinh sống.

Tại phường Quy Nhơn và Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai hiện có 02 tuyến cáp quang biển quốc tế cập bờ, gồm: tuyến cáp ADC với dung lượng kết nối 18 Tbps (do Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội Viettel đầu tư) và tuyến cáp SJC2 với dung lượng kết nối 9 Tbps (do Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đầu tư), góp phần đảm bảo chất lượng, độ ổn định của kết nối Internet trên địa bàn.

Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II đã được triển khai đến 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm tích hợp dữ liệu hiện có 55 máy chủ, cung cấp dịch vụ ảo hóa trên nền điện toán đám mây trên 361 máy chủ ảo, tổng dung lượng lưu trữ trên 300 TB, đáp ứng cơ bản nhu cầu vận hành hiện tại. Trung tâm tích hợp dữ liệu đang duy trì, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung: Hệ thống Văn bản điều hành; Hội nghị truyền hình trực tuyến; Thư điện tử công vụ; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); các dịch vụ giám sát điều hành thông minh (IOC); hosting cổng/trang thông tin điện tử; ứng dụng Công dân số; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành... Công tác chuyển đổi giao thức Internet thế hệ mới được đẩy mạnh với 100% cổng/trang thông tin điện

tử của các sở, ban, ngành đã hoàn thành việc chuyển đổi sang IPv6.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đơn đốc chủ tàu cá thực hiện nghiêm túc việc đăng ký, cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện. Kết quả 6 tháng đầu năm 2026 đã cấp 384 giấy phép đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá; cấp 13 giấy phép đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ; cấp 09 giấy phép đối với đài tàu. Kiểm tra, xử lý 05 đơn vị sử dụng tần số sai quy định/không phép; phối hợp xử lý nhiễu mạng Viettel và nhiễu smartkey tại Pleiku. Bên cạnh đó, tăng cường rà soát, đối chiếu dữ liệu từ hệ thống giám sát hành trình tàu cá (VMS), bảo đảm tính chính xác, đồng bộ của thông tin trong công tác quản lý nhà nước.

Triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bưu chính theo quy định; tăng cường kiểm tra chất lượng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh; tổ chức điều tra sản lượng và giá cước bình quân đối với dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí năm 2026 theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện và tăng cường sử dụng Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm việc gửi, nhận văn bản, tài liệu và vật chứa bí mật nhà nước được thực hiện an toàn, kịp thời, đúng quy định của pháp luật.

b) Lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, gồm: 01 Nghị quyết, 14 Quyết định, 09 Kế hoạch... Theo đó, tỉnh đã ban hành Khung kiến trúc số tỉnh Gia Lai, Kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) phát triển đô thị thông minh tỉnh Gia Lai, phiên bản 2.0.

Tỉnh đã đưa ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số đi vào thực chất, với Hệ thống Trợ lý ảo AI cấp tỉnh được đưa vào vận hành, phục vụ 100% sở, ngành và 135 xã, phường.

AI chuyên dụng được ứng dụng trong thẩm định hồ sơ đất đai, tích hợp vào hệ thống camera giám sát phục vụ nhận diện đám đông và quản lý giao thông, đồng thời phân tích dữ liệu mạng xã hội (Social Listening) để kịp thời nắm bắt dư luận xã hội phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

Kỹ năng số của đội ngũ được chú trọng nâng cao thông qua phong trào “Bình dân AI học vụ” với 23 lớp đào tạo, thu hút hơn 10.500 lượt tham gia, cùng việc tập huấn kiến thức số, kỹ năng số cho hơn 7.400 cán bộ, công chức, viên chức.

Tỉnh đang tập trung triển khai một bài toán lớn về chuyển đổi số là ứng dụng công nghệ bản đồ số (GIS), máy bay không người lái (UAV) và dữ liệu không gian phục vụ công tác quản lý nhà nước trên nhiều lĩnh vực.

Việc vận hành chính quyền địa phương 02 cấp được bảo đảm thông suốt; tỉnh đã hoàn thành Hệ thống phần mềm kinh tế - xã hội 02 cấp đến 135 xã, phường và 100% sở, ngành để phục vụ điều hành dựa trên dữ liệu. Hệ thống hội nghị truyền hình kết nối 200 điểm cầu từ tỉnh đến 135 xã, phường; gửi/nhận văn bản điện tử ký số liên thông đạt 100%; phòng họp không giấy tại HĐND, UBND tỉnh; Thư điện tử công vụ có hơn 68.920 tài khoản. Tỉnh vận hành các nền tảng dùng chung: Sổ tay điện tử, Gia Lai Dashboard, Hệ thống thông tin cấp xã, IOC... 100% cơ quan đã gửi/nhận văn bản điện tử ký số và số hóa quy trình nghiệp vụ lõi. Hệ thống Trợ lý ảo tỉnh (trolyao.gialai.gov.vn) hỗ trợ người dân, doanh nghiệp; ứng dụng AI trong giải quyết hồ sơ đất đai và thí điểm hướng nghiệp học sinh bằng AI. Mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số” (Quyết định số 3306/QĐ-UBND) triển khai tại 30 xã, phường, thí điểm tại xã Tây Sơn, dựa trên 5 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đổi mới sáng tạo, an toàn an ninh thông tin.

Các tiện ích của Đề án 06 ngày càng phát huy hiệu quả trong thực tiễn với 443/443 cơ sở khám chữa bệnh sử dụng căn cước công dân và VNeID, 83 KIOSK y tế thông minh và 100% bệnh viện công lập triển khai bệnh án điện tử.

2.7. Hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tỉnh đã mở rộng hợp tác quốc tế, tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư tại Mỹ, Canada, UAE. Tỉnh tạo điều kiện cho Viện Nghiên cứu AI Mila (Canada) hợp tác tại Gia Lai; ký kết biên bản ghi nhớ với Hiệp hội Tư vấn quản lý Hàn Quốc (KMAC) để đầu tư Trung tâm R&D AI Hub; hợp tác với Công ty TORMem (Hoa Kỳ) về công nghiệp bán dẫn và duy trì Trung tâm ICISE làm nơi hội tụ của các nhà khoa học quốc tế.

Tham gia đoàn công tác của tỉnh làm việc với Đài thiên văn Quốc gia Nhật Bản (NAOJ), các đài thiên văn Okayama, Kwasan, các Đại học Osaka (UOsaka), Osaka Metropolitan (OMU), Kyoto, đặt nền tảng cho mối quan hệ hợp tác song phương giữa các đơn vị của tỉnh Gia Lai (như Sở Khoa học và Công nghệ, Đại học Quy Nhơn, Trung tâm ICISE) với các đài thiên văn, viện nghiên cứu, đại học tại Nhật Bản, mở ra nhiều triển vọng hợp tác trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, trao đổi học thuật, hợp tác nghiên cứu các lĩnh vực công nghệ cao như bán dẫn, lượng tử trong tương lai. Ký kết Bản ghi nhớ hợp tác giữa UBND tỉnh Gia Lai với Viện Khoa học Vũ trụ và Thiên văn Hàn Quốc (KASI) tại Diễn đàn Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam - Hàn Quốc ngày 24/4/2026 nhằm thiết lập khuôn khổ hợp tác tập trung vào các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực, trao đổi chuyên gia, ứng dụng công nghệ vũ trụ, tham vấn khoa học và định hướng xây dựng Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học Công nghệ Vũ trụ tại tỉnh Gia Lai. Thiết lập kết nối với Viện Thiên văn và Vật lý Thiên

văn thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Trung ương Đài Loan (ASIAA) để hỗ trợ đào tạo và phát triển năng lực, chuyển giao công nghệ và tri thức, hỗ trợ chuyên gia, hợp tác khoa học trong xây dựng Mạng kính thiên văn vô tuyến (BURSTT) thuộc phạm vi dự án Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Khoa học Công nghệ Vũ trụ tại tỉnh Gia Lai.

Trung tâm ICISE thể hiện vai trò cầu nối chiến lược khi liên tiếp tổ chức thành công hơn 30 sự kiện quốc tế quy mô lớn trong năm 2025 và 06 tháng đầu năm 2026, thu hút hàng nghìn nhà khoa học quốc tế và trong nước tham gia; tổ chức các trường hè khoa học đào tạo kỹ thuật, kiến thức mới cho hàng nghìn nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên giỏi trong và ngoài nước.

UBND tỉnh đã ký kết Biên bản ghi nhớ (MoU) quan trọng với Tập đoàn FPT về thỏa thuận hợp tác thúc đẩy đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

3. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện cơ chế tự chủ của các tổ chức KH&CN công lập

Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 phê duyệt phương án tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2026-2030; Trong đó: có 03 đơn vị tự chủ nhóm 2 và 01 đơn vị tự chủ nhóm 4.

3.2. Thu hút, trọng dụng, phát triển nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thực hiện Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 của Chính phủ quy định về tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị định số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Để triển khai các quy định của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 21/4/2026 triển khai thực hiện Quyết định số 2711/QĐ-TTg ngày 12/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia

về phát triển đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ban hành Công văn số 6849/UBND-KGVX ngày 21/11/2025 triển khai thực hiện Nghị định số 249/2025/NĐ-CP, giao các sở, ngành, địa phương tổ chức phổ biến, quán triệt các quy định của Nghị định; rà soát nhu cầu thu hút chuyên gia; đề xuất các chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần tuyển chọn chuyên gia; xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ. Trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Kế hoạch số 54/KH-SKHCN ngày 06/5/2026 và văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

Đối với Nghị định số 231/2025/NĐ-CP, tỉnh đã tổ chức phổ biến, quán triệt các quy định của Nghị định; đồng thời rà soát nhu cầu thực tế của địa phương đối với việc tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đến thời điểm báo cáo, chưa phát sinh nhu cầu tuyển chọn, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng theo quy định của Nghị định.

Đối với Nghị định số 249/2025/NĐ-CP, tỉnh đã triển khai rà soát nhu cầu thu hút chuyên gia; xây dựng danh mục các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có nhu cầu huy động chuyên gia; chuẩn bị cơ sở dữ liệu đội ngũ chuyên gia và các điều kiện cần thiết để triển khai chính sách thu hút chuyên gia theo quy định. Đến thời điểm báo cáo, chưa phát sinh trường hợp thu hút hoặc ký hợp đồng với chuyên gia theo cơ chế quy định tại Nghị định này.

Đối với Nghị định số 263/2025/NĐ-CP, tỉnh đã lồng ghép các nhiệm vụ phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Kế hoạch triển khai Chiến lược quốc gia phát triển đội ngũ trí thức; tập trung xây dựng cơ sở dữ liệu đội ngũ trí thức, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp và tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu nhằm chuẩn bị các điều kiện triển khai các cơ chế về nhân lực, nhân tài theo quy định của Nghị định. Đến thời điểm báo cáo, chưa phát sinh việc áp dụng các chính sách đặc thù về nhân lực, nhân tài theo Nghị định số 263/2025/NĐ-CP.

Kết quả đạt được: Tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai; phân công rõ trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương; nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị về vai trò của đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; từng bước triển khai rà soát nhu cầu nhân lực chất lượng cao, xây dựng cơ sở dữ liệu đội ngũ trí thức và chuyên gia, tạo nền tảng để triển khai các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực

khoa học và công nghệ trong thời gian tới.

Khó khăn, vướng mắc: Các nghị định mới được ban hành nên một số nội dung đang trong quá trình tổ chức thực hiện; địa phương chưa phát sinh các chương trình, nhiệm vụ có nhu cầu tuyển chọn Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng hoặc thu hút chuyên gia theo cơ chế mới; cơ sở dữ liệu chuyên gia, nhân lực chất lượng cao của tỉnh đang được xây dựng và tiếp tục hoàn thiện; nguồn lực của địa phương còn hạn chế trong việc triển khai các chính sách đặc thù về thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ.

Nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới: Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai đầy đủ các quy định của Chính phủ; hoàn thiện cơ sở dữ liệu đội ngũ trí thức và chuyên gia kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia; rà soát, cập nhật nhu cầu nhân lực chất lượng cao và danh mục nhiệm vụ cần thu hút chuyên gia; nghiên cứu, tham mưu ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh để cụ thể hóa các quy định tại Nghị định số 231/2025/NĐ-CP, Nghị định số 249/2025/NĐ-CP và Nghị định số 263/2025/NĐ-CP theo thẩm quyền; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp nhằm thu hút, trọng dụng, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.3. Giải quyết thủ tục hành chính

Thực hiện Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 và Công văn số 5721/BKHCN-CĐSQG ngày 17/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, kể từ ngày 01/01/2026, Sở Khoa học và Công nghệ đã chính thức vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) theo mô hình tập trung của Bộ, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ. Đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã công bố, công khai và tích hợp thành công 184/184 TTHC thuộc thẩm quyền quản lý lên Hệ thống (đạt tỷ lệ 100%). Trong 6 tháng đầu năm 2026, đã tiếp nhận 740 hồ sơ (trong đó có 23 hồ sơ chuyển từ kỳ trước sang); đã giải quyết 537 hồ sơ trước hạn; hiện còn 25 hồ sơ đang trong hạn giải quyết. Không phát sinh TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

3.4. Hoạt động sáng kiến

UBND tỉnh đã kiện toàn Hội đồng Sáng kiến tỉnh; Hội đồng đã tiếp nhận 262 hồ sơ từ 34 đơn vị. Qua rà soát của các Tổ tư vấn chuyên môn, kết quả phân loại (đợt 1/2026): đề xuất công nhận 91 hồ sơ; trình Hội đồng xem xét, xin ý kiến 03 hồ sơ; không đủ điều kiện 168 hồ sơ. Trong thời gian tới, Hội đồng Sáng kiến tỉnh sẽ tiếp tục tổ chức xem xét, rà soát, bỏ phiếu đối với các sáng kiến theo quy định để trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận phạm vi ảnh hưởng toàn tỉnh đợt 1 năm 2026.

4. Kết quả phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Hạ tầng số và công nghiệp công nghệ số được tỉnh tập trung phát triển và bước đầu đã hình thành rõ nét, với 02 khu công nghệ số tập trung là Công viên sáng tạo TMA và Khu công nghệ số FPT Software Quy Nhơn, hiện thu hút khoảng 1.000 nhân sự chất lượng cao đang làm việc.

Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư đạt nhiều kết quả tích cực với các dự án quy mô lớn như: Khu công nghệ số FPT Software Quy Nhơn (hơn 2.647 tỷ đồng), Trung tâm trí tuệ nhân tạo - đô thị phụ trợ Quy Nhơn (hơn 4.362 tỷ đồng) và Công viên sáng tạo TMA (hơn 220 tỷ đồng).

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN NSNN CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Đối với nguồn ngân sách TW

- Vốn đầu tư: Năm 2026, Thủ tướng Chính phủ phân bổ vốn đầu tư công cho dự án “Đầu tư, mua sắm thiết bị công nghệ thông tin phục vụ triển khai Bệnh án điện tử” với tổng kinh phí 136.292 triệu đồng theo Quyết định số 2582/QĐ-TTg ngày 24/11/2025. Hiện nay, chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ, trình thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư, không đề xuất điều chỉnh vốn và phân đầu đến cuối năm giải ngân 100% kế hoạch vốn.

2. Đối với nguồn ngân sách địa phương

UBND tỉnh đã phân bổ ngân sách nhà nước năm 2026 theo Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh thực hiện giao dự toán kinh phí các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Hạ tầng nền tảng số quốc gia, nền tảng dùng chung triển khai chưa đồng bộ; mức độ kết nối, liên thông giữa nền tảng của địa phương với nền tảng quốc gia còn hạn chế, khiến địa phương bị động, chưa phát huy hết hiệu quả đầu tư.

- Các Cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành còn chậm kết nối, chia sẻ; địa phương chưa có đầy đủ dữ liệu liên thông để phân tích, phục vụ chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

- Cơ chế cho nghiên cứu cơ bản và hợp tác quốc tế chưa phù hợp với đặc thù.

Khi triển khai Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN, Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành (ICISE) gặp khó khăn do mỗi năm tổ chức 30 – 40 hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế; nếu từng sự kiện đều phải thực hiện đầy đủ trình tự, hồ sơ, thủ tục xét hỗ trợ thì rất tốn thời gian, công sức, chưa phù hợp với đặc thù hoạt động thường xuyên, quy mô lớn của một trung tâm khoa học quốc tế.

2. Đề xuất, kiến nghị

2.1. Đối với Bộ Khoa học và Công nghệ:

Về hạ tầng, nền tảng số quốc gia:

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng, triển khai đồng bộ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng trên quy mô toàn quốc theo Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025; đồng thời sớm ban hành bộ tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật và chuẩn kết nối, liên thông thống nhất để các địa phương chủ động tích hợp, vận hành, tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí.

Có cơ chế hỗ trợ, hướng dẫn và đồng hành cùng các địa phương trong quá trình kết nối, liên thông giữa nền tảng số của tỉnh với nền tảng số quốc gia, bảo đảm hệ thống thông suốt, khắc phục tình trạng địa phương bị động và phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực đã đầu tư.

Về phát triển khoa học cơ bản và hoạt động của ICISE, IFIRSE

Quan tâm hỗ trợ, sớm xem xét nâng cấp Viện Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục liên ngành (IFIRSE) thành viện nghiên cứu trọng điểm cấp quốc gia, tạo nền tảng và động lực để thu hút, giữ chân các nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế đến nghiên cứu, làm việc lâu dài tại Việt Nam nói chung và Gia Lai nói riêng.

Ban hành chính sách, cơ chế đặc thù đủ mạnh cho Trung tâm ICISE; đồng thời nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng rút gọn trình tự, thủ tục hỗ trợ tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế quy định tại Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN. Trước mắt, cho phép xét hỗ trợ theo kế hoạch hoặc theo cụm sự kiện hằng năm thay vì xét riêng từng sự kiện, phù hợp với đặc thù hoạt động thường xuyên, quy mô lớn của một trung tâm khoa học quốc tế tổ chức từ 30 đến 40 hội nghị, hội thảo mỗi năm.

2.2. Đối với các bộ, ngành Trung ương

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện và thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (116 cơ sở dữ liệu tập trung xây dựng theo Nghị quyết số 71/NQ-CP và 207 cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 214/NQ-CP của Chính phủ).

Ban hành quy chế, lộ trình và mở rộng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu (API) để

các địa phương được khai thác, phân tích dữ liệu liên thông một cách kịp thời, đầy đủ, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu trong thời gian đến.

2.3. Về phát triển công nghệ lượng tử

Kính đề nghị Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ quan tâm bảo trợ, hỗ trợ chuyên gia và nguồn lực để tỉnh tổ chức thành công Năm Lượng tử Gia Lai 2026; đưa Gia Lai vào mạng lưới và chương trình lượng tử quốc gia.

Tạo điều kiện để tỉnh hình thành và vận hành Trung tâm Tính toán lượng tử, lấy ICISE và IFIRSE làm hạt nhân, từng bước xây dựng hệ sinh thái và trở thành một trung tâm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ lượng tử của khu vực và cả nước.

PHẦN THỨ HAI MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

1. Mục tiêu chung

- Tập trung nguồn lực phát triển các lĩnh vực khoa học công nghệ ưu tiên, công nghệ chiến lược, mũi nhọn. Xác định và tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực công nghệ nền tảng, công nghệ của tương lai, có tiềm năng tạo bứt phá và lợi thế cạnh tranh như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ bán dẫn, công nghệ y sinh, năng lượng mới (Hydrogen), vật liệu mới, sản xuất thông minh, công nghệ môi trường, an ninh mạng, công nghệ vũ trụ...

- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hướng đến kết quả cuối cùng là nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Với mục tiêu tăng trưởng 2 con số cho giai đoạn tới bắt đầu từ năm 2026, để đạt được mục tiêu này, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cần được xác định là động lực chính đóng góp cho sự phát triển và tăng trưởng của nền kinh tế.

- Rà soát, đánh giá hiệu quả các tổ chức KH&CN công lập, các trung tâm đổi mới sáng tạo là đơn vị công lập, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là đơn vị công lập để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các tổ chức KH&CN mạnh, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

- Phát triển hạ tầng KH&CN và hạ tầng số hiện đại, đồng bộ. Phát triển hạ tầng, nhất là hạ tầng số, công nghệ số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; làm giàu, khai thác tối đa tiềm năng của dữ

liệu, đưa dữ liệu thành tư liệu sản xuất chính, thúc đẩy phát triển nhanh cơ sở dữ liệu lớn, công nghiệp dữ liệu, kinh tế dữ liệu. Đầu tư các phòng thí nghiệm trọng điểm; phát triển các hạ tầng nghiên cứu dùng chung hiệu quả.

- Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Phát triển các sản phẩm khoa học, công nghệ có giá trị gia tăng cao, có khả năng thương mại hóa và xuất khẩu. Tăng cường ứng dụng công nghệ chiến lược (AI, bán dẫn, công nghệ sinh học, dữ liệu lớn, công nghệ lượng tử, công nghệ không gian) phục vụ các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Thúc đẩy chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn thông qua khoa học và công nghệ.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Khoa học và công nghệ

- 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp tỉnh được xác định theo bài toán/nhu cầu và có đơn vị tiếp nhận/ứng dụng (cơ quan nhà nước, địa phương hoặc doanh nghiệp) ngay từ khâu phê duyệt nhiệm vụ.

- Tối thiểu 70% nhiệm vụ cấp tỉnh triển khai theo cơ chế đặt hàng; trong đó tối thiểu 30% có đồng tài trợ từ doanh nghiệp/địa phương và cam kết đầu ra (hợp đồng/đơn hàng/lộ trình áp dụng).

- 100% nhiệm vụ cấp tỉnh có kế hoạch triển khai ứng dụng/thương mại hóa và chỉ tiêu đo lường (hiệu quả, phạm vi áp dụng, thời hạn đưa vào sử dụng) kèm cơ chế theo dõi sau nghiệm thu.

2.2. Đổi mới sáng tạo

- Đẩy mạnh bảo hộ, khai thác tài sản trí tuệ từ kết quả nghiên cứu; yêu cầu mỗi nhiệm vụ trọng điểm có kế hoạch quản trị tài sản trí tuệ và phương án khai thác sau nghiệm thu.

- Tăng 30% doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 30%.

2.3. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tăng cường tổ chức giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường, đặc biệt đối với các loại sản phẩm, hàng hóa mang tính chất nhạy cảm, có sức ảnh hưởng lớn đến người tiêu dùng để kịp thời xử lý và chấn chỉnh các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ người tiêu dùng.

- Triển khai thực hiện duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 12/01/2026 của UBND tỉnh.

- Triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn 2026-2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 10/01/2026.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo trong quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp.

- Phối hợp các ngành đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chỉ số năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) và tính toán chỉ số TFP của tỉnh.

2.4. Chuyển đổi số

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử.

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ chính quyền số được triển khai, kết nối và đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch.

- Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 3.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 90% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của địa phương được đào tạo quản trị dữ liệu cơ bản.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

- Tỷ lệ người dân có Sở sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

- Phân đầu tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP để góp phần vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số đến năm 2030.

3. Nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2027

3.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện, công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị tỉnh, địa phương; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phải xác định cụ thể nội dung, thời hạn, yêu cầu kết quả; thời gian, số lượng các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ; nội dung, thời gian, đối tượng kiểm tra, giám sát cụ thể, hiệu quả, thực chất.

3.2. Xây dựng thể chế, chính sách; tạo lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai các nhiệm vụ; xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực AI, bán dẫn, dữ liệu và an toàn thông tin; khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp khởi nghiệp, mới thành lập...

Xây dựng, ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu; quy chế, quy định, hướng dẫn, quy chuẩn dữ liệu đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (nhất là các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành) do các bộ, ngành, địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách và mô hình chuyển đổi số tận cơ sở, nhằm thúc đẩy ứng dụng AI và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và đời sống xã hội.

3.3. Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đổi mới phương thức quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng hình thành các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp tham gia giải quyết.

Tập trung chuyên giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào nông

ngành ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến sâu, năng lượng tái tạo, du lịch số, đô thị thông minh và kinh tế biển; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; gắn kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và các khu vực tăng trưởng động lực; ưu tiên các giải pháp nâng giá trị gia tăng, hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô.

Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ vật liệu mới và công nghệ số. Ưu tiên phát triển các công nghệ chiến lược: bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử; chủ động chuẩn bị cho các công nghệ có khả năng thay đổi căn bản như trí tuệ nhân tạo tổng quát, robot tự động, sinh học tổng hợp, điện toán lượng tử.

Tập trung nguồn lực triển khai các sản phẩm công nghệ chiến lược đã đề xuất Trung ương; phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số; nâng cao năng lực hấp thụ và ứng dụng công nghệ hiện đại của doanh nghiệp địa phương.

Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp - viện, trường - thị trường và liên kết giữa doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài với doanh nghiệp trong tỉnh để tăng tỷ lệ nội địa hóa, chuyển giao công nghệ; xây dựng và hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh kết nối chặt chẽ với mạng lưới khởi nghiệp quốc gia và quốc tế.

Xác định doanh nghiệp là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; thực hiện cơ chế Nhà nước chia sẻ rủi ro, đồng hành cùng doanh nghiệp thông qua hỗ trợ vốn môi, đồng đầu tư công - tư, bảo lãnh rủi ro và tài trợ theo mốc kết quả trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; đẩy mạnh hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ, tư vấn chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ.

3.4. Phát triển công nghiệp công nghệ số

Phát triển các Khu công nghệ số tập trung trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch tỉnh, đồng thời thu hút các doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực vào hoạt động tại các Khu công nghệ số tập trung.

Tiếp tục tập trung triển khai các đề án trọng điểm về trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ bán dẫn và an toàn, an ninh mạng nhằm tạo nền tảng cho phát triển kinh tế số và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại công nghệ.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại các khu công nghệ số tập trung, là hạt nhân thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số, tạo động lực lan tỏa cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của địa phương. Nghiên cứu phát triển các trung tâm phần mềm, trung tâm dữ liệu lớn (Big Data) và các cơ sở nghiên cứu - phát triển (R&D) nhằm tạo nền tảng cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ. Phát triển hạ tầng và trung tâm công

nghệ, đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, từng bước hình thành và hoàn thiện hệ sinh thái số toàn diện.

3.5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, bưu chính, viễn thông

Phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; chuyển trọng tâm chuyển đổi số từ số hóa giao dịch sang số hóa năng lực sản xuất, đưa chuyển đổi số thâm nhập sâu vào công nghiệp chế biến, logistics và nông nghiệp công nghệ cao để kinh tế số đạt tỷ trọng 30% tổng sản phẩm trên địa bàn vào năm 2030.

Phát triển các dịch vụ số bao trùm, rộng khắp dựa trên nguyên tắc lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, đối tượng phục vụ, đồng sáng tạo các dịch vụ số. Phổ cập kỹ năng số cho người dân; thúc đẩy sử dụng danh tính số, tài khoản số, chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân; hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số an toàn, thuận tiện, nhất là tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và đối với các nhóm yếu thế, bảo đảm tinh thần không để ai bị bỏ lại phía sau.

Triển khai AI để thông minh hóa quy trình nghiệp vụ, minh bạch hóa hoạt động và tối ưu hóa nguồn lực trong quá trình ra quyết định, điều hành của các cơ quan nhà nước. Phát huy hiệu quả Hệ thống Trợ lý ảo trí tuệ nhân tạo cấp tỉnh đang phục vụ 100% sở, ngành và 135 xã, phường.

Phát triển, hoàn thiện Trung tâm giám sát điều hành thông minh, Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Duy trì ứng dụng công dân số iGiaLai để phục vụ hiệu quả người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giao dịch điện tử và khai thác các tiện ích số, góp phần chuyển đổi số toàn diện.

Đẩy mạnh quản trị và khai thác dữ liệu: phát triển hệ thống dữ liệu dùng chung của tỉnh, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, từng bước hình thành thị trường dữ liệu; coi dữ liệu là tài nguyên và tư liệu sản xuất mới, bảo đảm quyền riêng tư, an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu.

Mở rộng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công nghiệp, nông nghiệp, tài chính, giáo dục, y tế, logistics, thương mại điện tử, an ninh mạng và quản trị công; ưu tiên áp dụng các nền tảng, mô hình trí tuệ nhân tạo “Make in Vietnam”.

Triển khai chính quyền số đồng bộ hai cấp hành chính, bảo đảm đồng bộ, thống nhất các nền tảng số trong chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính có tần suất cao trong các lĩnh vực như đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động - việc làm, đầu tư - kinh doanh, bảo hiểm xã hội... sẽ được ưu tiên số hóa toàn bộ quy trình, hướng tới mục tiêu “một lần khai báo - nhiều lần sử dụng, không yêu cầu giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu”.

Nâng cấp năng lực hạ tầng truyền dẫn viễn thông, bảo đảm kết nối băng

thông rộng, tốc độ cao từ mạng viễn thông của tỉnh đến mạng truyền số liệu chuyên dùng và các nút mạng Trung ương.

Tổ chức khai thác hiệu quả các tuyến cáp quang biển và trạm cập bờ hiện có tại Quy Nhơn. Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông khẩn trương rà soát, đầu tư hạ tầng mạng băng rộng cố định để xóa vùng lõm sóng tại các thôn, làng hiện chưa có hạ tầng cố định. Tiếp tục mở rộng phủ sóng mạng 5G, bảo đảm tỷ lệ dân số được phủ sóng di động mạng 5G đạt 100% tại khu trung tâm hành chính, các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, liên xã. Ưu tiên phát triển mạng thông tin di động 5G tại các khu kinh tế, đô thị mới, khu công nghiệp, khu du lịch trọng điểm.

Tiếp tục tăng cường công tác quản lý tần số vô tuyến điện; phối hợp kiểm tra, xử lý các trường hợp sử dụng tần số không đúng quy định; cấp phép sử dụng tần số vô tuyến điện đối với tàu cá; phối hợp với các lực lượng chức năng trong công tác chống khai thác IUU và quản lý hệ thống giám sát hành trình tàu cá (VMS).

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bưu chính; nâng cao hiệu quả sử dụng Mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; hướng dẫn các địa phương thực hiện tiêu chí bưu chính, viễn thông và thôn thông minh thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; thúc đẩy phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.6. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an toàn - an ninh mạng. Đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM tại 100% các cấp học. Phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo theo 03 cấp độ: chuyên gia trình độ cao; nhân lực ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong từng ngành; phổ cập kỹ năng số, kỹ năng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân. Chú trọng thu hút chuyên gia, nhân tài và các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài.

Mở rộng hợp tác quốc tế, phát huy vai trò của Trung tâm Quốc tế Khoa học và Giáo dục liên ngành, khẳng định vị thế của Gia Lai trên bản đồ khoa học khu vực và quốc tế.

Duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp; về an ninh mạng; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an ninh mạng...

Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật

chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu, vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

3.7. Nâng cao năng suất, chất lượng

Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình công tác của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ. Trong đó, tập trung triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Tiếp tục triển khai công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; tăng cường hướng dẫn, kiểm tra triển khai các nhiệm vụ về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; duy trì và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước; tập trung triển khai các Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình năng suất chất lượng, Đề án về truy xuất nguồn gốc, Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường.

Triển khai Kế hoạch nâng cao mức đóng góp năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong tăng trưởng kinh tế (GRDP) tỉnh Gia Lai đến năm 2030.

3.8. Nâng cao nhận thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm an ninh mạng

Triển khai, cụ thể hóa các nội dung tuyên truyền, truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành các chương trình, kế hoạch, chiến dịch (thường xuyên, định kỳ, theo sự kiện, tuần lễ, ngày chuyển đổi số) với nội dung, hình thức triển khai đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế (cuộc thi, video, poster, tài liệu tuyên truyền; kênh truyền thông trực tuyến trên các phương tiện, nền tảng số, kênh truyền thông trực tiếp; lồng ghép với các hoạt động của các ngành, lĩnh vực...) để tuyên truyền, truyền thông các chủ trương, định hướng phát triển; sử dụng dịch vụ công trực tuyến; các mô hình, cách làm hay, bài toán, sáng kiến điển hình để phổ biến, nhân rộng; các hoạt động khuyến khích, thúc đẩy thi đua chuyển đổi số; gắn kết cải cách hành chính với chuyển đổi số... để các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, tích cực tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế -

xã hội, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; tuyên truyền phòng, chống lừa đảo trực tuyến, bảo vệ thông tin cá nhân...

Triển khai các hoạt động kiểm tra, đánh giá, bảo đảm an ninh mạng định kỳ, thường xuyên cho các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an.

PHẦN THỨ BA

KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

- Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 42-KH/TU ngày 12/02/2026 của Tỉnh ủy Gia Lai triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh phê duyệt Khung kiến trúc số tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 07/10/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 22-KH/TU ngày 03/9/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh về nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI); Quyết định số 966/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Gia Lai đến năm 2030;

- Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của UBND tỉnh ban hành Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2030;

- Quyết định số 1628/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh ban hành Mô hình nghiệp vụ dữ liệu tỉnh Gia Lai;

- Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 27/4/2026 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu cụ thể được giao tại Kế hoạch hoạt động năm 2026 ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP của Ban Chỉ đạo của Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ.

II. NGUYÊN TẮC CHUNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG, LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

- Đảm bảo các yêu cầu tại Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2027. Các nội dung chi NSNN cho KH,CN&ĐMST theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật KH,CN&ĐMST và Điều 5, Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025; các nội dung chi NSNN cho chuyển đổi số được quy định tại Điều 4 của Luật Chuyển đổi số, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.

- Tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức và thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Điều 54 Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 và Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương; phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng triển khai, thực hiện, giải ngân của từng chủ đầu tư.

- Ưu tiên nhiệm vụ, dự án triển khai các Nghị quyết, đặc biệt là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026, các Nghị quyết khác của Đảng, Chính phủ, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, Kết luận của Tổng Bí thư về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Việc lập dự toán NSNN để thực hiện các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST và hoạt động hỗ trợ được thực hiện theo nguyên tắc không trùng lắp.

- Đối với các nhiệm vụ chuyển đổi số, việc đề xuất nhiệm vụ và dự toán phải theo 03 nguyên tắc:

+ Phải phù hợp với chiến lược, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số quy định tại Điều 12 của Luật Chuyển đổi số;

+ Phục vụ mục tiêu chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực;

+ Phù hợp các nội dung chi cho chuyển đổi số theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.

III. KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2027

1. Dự toán chi sự nghiệp KH,CN,ĐMST&CDS

+ *Chi khoa học, công nghệ: 57.154 triệu đồng.*

+ *Chi đổi mới sáng tạo: 10.585 triệu đồng.*

+ *Chi chuyển đổi số: 237.611 triệu đồng.*

2. Dự toán chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2027

+ Vốn NSNN trung ương (không bao gồm vốn ODA, vốn vay ưu đãi): 728.000 triệu đồng

+ Vốn NSNN địa phương (NSDP): 325.793 triệu đồng

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm).

PHẦN THỨ TƯ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương và các đơn vị sử dụng NSNN chịu trách nhiệm toàn diện về phương án đề xuất; nội dung thuyết minh, hồ sơ, tài liệu, tính chính xác của số liệu, trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, dự án; bảo đảm hiệu quả cùng với khả năng giải ngân phù hợp với tiến độ thực hiện nhiệm vụ, dự án đề xuất.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đề xuất dự toán chi NSNN cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm chi ĐTPT và chi thường xuyên) của các cơ quan, đơn vị tỉnh và địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm tổng mức và cơ cấu phù hợp với chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét,

quyết định.

3. Trong quá trình triển khai, các cơ quan, đơn vị, địa phương gặp khó khăn, vướng mắc cần thông tin kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) năm 2027 của tỉnh Gia Lai, Ủy ban nhân dân tỉnh kính gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, T5, V1, V3, V9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang